

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/HS-ST
Ngày 18 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông Trịnh Duy Cường.

2. Bà Bùi Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-HS ngày 05/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Thái S, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1995, tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Viết H (Đã chết); con bà: Lê Thị A, sinh năm 1967, hiện sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ 4; bị cáo chưa có vợ, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/7/2021 đến ngày 01/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Đặng Công T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1994, tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Công K, sinh năm 1964; con bà: Lê Thị H1, sinh năm 1965; cả bố và mẹ hiện sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ 4; bị cáo có vợ

là Đào Lê Thảo N, sinh năm 1995, hiện cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có 1 con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/7/2021 đến ngày 01/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Hữu T1, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1987, tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hữu D, sinh năm 1957; con bà: Lê Thị L, sinh năm 1962; cả bố và mẹ hiện sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1996, hiện sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có 1 con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/7/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 8 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/8/2021; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lê Đăng K1, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1995, tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C, sinh năm 1961; con bà: Lê Thị T2, sinh năm 1962; cả bố và mẹ hiện sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1996, hiện sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có 1 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/7/2021 đến ngày 01/8/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lê Văn Đ, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1994, tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L2, sinh năm 1963; con bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1970; cả bố và mẹ hiện sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có vợ là Lê Thị H3, sinh năm 1994, hiện sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/01/2021 bị công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa khởi tố về hành vi "Gây rối trật tự công cộng", ngày 28/10/2021 bị xử phạt 33 (Ba mươi ba) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" nhưng được trừ đi 25

(Hai mươi lăm) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 15/01/2021 đến ngày 08/02/2021). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/7/2021 đến ngày 01/8/2021 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa; bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thái S:* Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- *Người làm chứng:* Anh Lê Hồng Q, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt bà Hoàng, vắng mặt anh Q

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 50 phút ngày 26/7/2021, Lê Đăng K1, Lê Văn Đ, Đặng Công T, Lê Hữu T1 đang đánh bạc dưới hình thức tiến lên miền Nam tại nhà Bùi Thái S ở thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì bị tổ tuần tra Công an xã T, huyện N phát hiện bắt quả tang. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.200.000đ (*Bảy triệu hai trăm nghìn đồng*), 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và 01 chiếc chiếu trúc đã cũ.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 26/7/2021 Lê Đăng K1 cùng Lê Văn Đ, Lê Hữu T1 và Đặng Công T đến nhà Bùi Thái S để uống bia. Khoảng 14 giờ uống bia xong thì Bùi Thái S hỏi "Anh em có làm tí tiến lên miền Nam không?" thì được mọi người đồng ý nên Bùi Thái S dọn dẹp hết bát đĩa rồi lấy bộ bài cũ có sẵn trên ghế cho Lê Đăng K1, Lê Văn Đ, Lê Hữu T1 và Đặng Công T chơi đánh bạc. Bùi Thái S ngồi xem mọi người chơi một lúc rồi lên giường đi ngủ. Hình thức chơi như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 cây, mỗi người sẽ được chia 13 quân bài, người thắng ăn cả, người về nhì mất 20.000đ, người về thứ ba mất 40.000đ, về cuối mất 60.000đ. Các bị cáo đánh bạc đến 16 giờ cùng ngày thì bị tổ tuần tra của Công an xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.200.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 01 chiếc chiếu trúc đã cũ; 01 điện thoại Iphone X màu trắng của Đặng Công T; 01 điện thoại Iphone 6 plus màu trắng của Lê Đăng K1; 01 điện thoại Iphone 11 màu tím của Lê Văn Đ; 01 điện thoại Samsung Galaxy note 20 màu vàng đồng của Lê Hữu T1. Công an xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành niêm phong đồ vật, tài liệu và chuyển hồ sơ cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể vai trò và số tiền đánh bạc của từng bị cáo như sau: Lê Văn Đ trực tiếp tham gia đánh bạc và đã sử dụng số tiền 640.000đ, Đặng Công T trực tiếp tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền 5.000.000đ, Lê Đăng K1 trực tiếp tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền 1.430.000đ, Lê Hữu T1 bỏ trốn khỏi hiện trường đến ngày 27/7/2021, Lê Hữu T1 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đầu thú và giao nộp số tiền 1.870.000đ (đã cầm theo khi bỏ trốn) đồng thời Lê Hữu T1 khai nhận đã sử dụng số tiền 2.000.000đ vào việc đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 9.070.000đ (*Chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tại bản cáo trạng số 74/CT-VKSNC ngày 13/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo: Bùi Thái S, Đặng Công T, Lê Đăng K1, Lê Hữu T1 và Lê Văn Đ về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật và quyết định hình phạt với các bị cáo cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố Bùi Thái S, Đặng Công T, Lê Đăng K1, Lê Hữu T1 và Lê Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Bùi Thái S, Lê Đăng K1 và Đặng Công T, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê Hữu T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bổ sung Lê Đăng K1, Đặng Công T và Lê Văn Đ mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

Đối với Bùi Thái S thuộc diện hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với Lê Hữu T1 gia đình hoàn cảnh khó khăn có chứng nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú, vì vậy cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu nộp ngân sách 9.070.000đ đã sử dụng vào việc đánh bạc. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây và 01 chiếc chiếu trúc đã cũ hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Các bị cáo Lê Đăng K1, Đặng Công T, Lê Văn Đ và Lê Hữu T1 phải chịu án phí HSST theo quy định, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Bùi Thái S.

Lời bào chữa của bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng: Đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa về tội danh và điều luật đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo Bùi Thái S là hộ cận nghèo, việc khởi kiện cho các bị cáo khác đánh bạc và cho các bị cáo khác sử dụng nhà của mình để đánh bạc chỉ là do tình cảm bạn bè, hiểu biết pháp luật không đầy đủ, việc khởi kiện đánh bạc không vì mục tiêu lợi nhuận và bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo cũng có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, vì vậy đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận với đại diện viện kiểm sát. Lời nói sau cùng của bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong phạm vi Tòa án xét xử đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, vật chứng thu được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở chứng minh:

Khoảng 14 giờ ngày 26/7/2021, sau khi Lê Đăng K1, Lê Văn Đ, Lê Hữu T1 và Đặng Công T cùng nhau uống bia tại nhà của Bùi Thái S thì Bùi Thái S hỏi "Anh em có làm tí tiền lên miền Nam không" thì mọi người đồng ý nên Bùi Thái S dọn dẹp hết bát đĩa rồi lấy bộ bài cũ để sẵn trên ghế cho Lê Đăng K1, Lê Văn Đ, Lê Hữu T1 và Đặng Công T chơi đánh bạc, Bùi Thái S ngồi xem đánh bạc một lúc thì lên giường đi ngủ. Các bị cáo cùng nhau đánh bạc đến 16 giờ cùng ngày thì bị Công an xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt giữ cùng tang vật là 7.200.000đ; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây; 01 chiếc chiếu trúc đã cũ. Ngoài ra còn thu giữ của Đặng Công T 01 điện thoại Iphone X màu trắng; thu giữ của Lê Đăng K1 01 điện thoại Iphone 6 plus màu trắng; thu giữ của Lê Văn Đ 01 điện thoại Iphone 11 màu tím và Lê Hữu T1 khi Công an bắt giữ đã bỏ trốn để lại chiếc bạc 1 điện thoại Samsung Galaxy note 20 màu đồng, đến ngày 27/7/2021 thì Lê Hữu T1 đã đến Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đầu thú và giao nộp thêm số tiền 1.870.000đ đã cầm theo khi bỏ trốn. Do đó, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 9.070.000đ (*Chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Bùi Thái S, Lê Đăng K1, Lê Văn Đ, Lê Hữu T1 và Đặng Công T phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo về tội "đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm và vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau: Hành vi đánh bạc là sự sát phạt nhau về tiền, có người được người thua. Hành vi của các bị cáo không đem lại lợi ích gì cho xã hội còn ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và kinh tế gia đình của những người tham gia đánh bạc và xâm phạm nếp sống văn minh, lành mạnh, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng trật tự trị an địa bàn. Hoạt động này là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người lao động nhất thời phạm tội, quy mô nhỏ, mức độ ít nghiêm trọng.

Trong vụ án này, trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng bị cáo trong vụ án, là chỗ quen biết, từ việc rủ nhau uống bia rồi rủ nhau đánh bạc. Vì vậy đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Bùi Thái S là người không trực tiếp tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác, tuy nhiên Bùi Thái S là người khởi sự việc đánh bạc và bị cáo đã cho các bị cáo khác trong vụ án sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc nên có dấu hiệu của tội gạ bạc hoặc tổ chức đánh bạc, tuy nhiên tính chất, mức độ chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bằng một tội độc lập, vì vậy bị cáo tham gia với vai trò giúp sức trong vụ án nên cùng đồng phạm về tội Đánh bạc. Trong vụ án, Bùi Thái S là người khởi sự việc đánh bạc và cho các bị cáo khác sử dụng nhà của mình để đánh bạc, các bị cáo còn lại là người trực tiếp đánh bạc với vai trò là người thực hành nên các bị cáo có vai trò như nhau trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo Bùi Thái S, Đặng Công T và Lê Đăng K1 là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn Đ cũng là người không có tiền án, tiền sự nhưng là người có nhân thân xấu, trong khi bị cáo đang bị khởi tố bị can về tội "Gây rối trật tự công cộng" được cho tại ngoại nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi "Đánh bạc" nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng". Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có thời gian tham gia quân đội và đạt danh hiệu chiến sĩ tiên tiến thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Hữu T1 sau khi phạm tội đã ra đầu thú, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố là người tham gia kháng chiến được tặng thưởng huân chương và trong thời gian sinh sống tại địa phương đã tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo do địa phương phát động cụ thể là quyên góp ủng hộ quỹ Covid thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt:

Trên cơ sở đánh giá toàn diện về hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

[5.1] Về hình phạt chính: Lê Văn Đ là người có nhân thân xấu, khi đang bị khởi tố bị can về một hành vi phạm tội khác lại tiếp tục có hành vi phạm tội đánh bạc, nên cần căn cứ vào Điều 38 của Bộ luật Hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Bùi Thái S, Đặng Công T và Lê Đăng K1 đều là người có nhân thân tốt, có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo cũng có thể cải tạo các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Bị cáo Lê Hữu T1 là người không có tiền án, tiền sự và có 4 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ vào Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội.

[5.2] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 và khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với Đặng Công T, Lê Đăng K1 và Lê Văn Đ để tăng tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với Bùi Thái S thuộc diện hộ cận nghèo, Lê Hữu T1 là người có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú, vì vậy cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

Xác định số tiền 9.070.000 đồng (*Chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*) các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là công cụ phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với bộ bài tú lơ khơ 52 cây và chiếc chiếu trúc đã qua sử dụng là phương tiện phạm tội, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với những chiếc điện thoại di động thu giữ của Đặng Công T, Lê Đăng K1, Lê Văn Đ và Lê Hữu T1 sau khi điều tra làm rõ, xác định không liên quan đến việc phạm tội, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã trả lại cho các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo có tội, bị kết án, Lê Hữu T1, Đặng Công T, Lê Văn Đ và Lê Đăng K1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Đối với Bùi Thái S thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bùi Thái S, Đặng Công T, Lê Đăng K1, Lê Văn Đ và Lê Hữu T1 phạm tội "Đánh bạc".

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Văn Đ 11 (*Mười một*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (26/7/2021).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bùi Thái S, Đặng Công T, Lê Đăng K1 mỗi bị cáo 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Hữu T1 10 (*Mười*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (*Hai mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bổ sung: Đặng Công T, Lê Đăng K1, Lê Văn Đ mỗi bị cáo 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bùi Thái S và Lê Hữu T1.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.070.000đ (*Chín triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng*) các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy 01 cỗ bài tú lơ khơ 52 cây và 01 chiếc chiếu trúc đã qua sử dụng.

(Đặc điểm chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 18/10/2021).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 BLHS; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc Đặng Công T, Lê Đăng K1, Lê Văn Đ và Lê Hữu T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho Bùi Thái S.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Duy Cường Bùi Thị Vân Võ Kỳ Anh

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKS huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở Tư pháp Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh